

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/TLST-DS ngày 09/12/2023, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị N, sinh năm 1951 và ông Chu Văn L, sinh năm 1942; Đều trú tại: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị N, ông Chu Văn L: Ông Nguyễn Trọng H, bà Lang Thị D, bà Ngô Thị B - Công ty Luật TNHH T và cộng Sự; địa chỉ: Số 65 đường Lý Tự T, phường Hà Huy T, thành phố V - tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1971; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn A - Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường huyện L.

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình H - Công chức địa chính xã T.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh L, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc K - Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh L.

+ Bà Phan Thị P, sinh năm 1977; trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với thửa đất số 211, tờ bản đồ số 43 tại xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh:

* Giao cho bà Phan Thị N và ông Chu Văn L có quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $250,1m^2$; trong đó có $80m^2$ đất ở và $170,1m^2$ đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 43 tại xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, ranh giới cụ thể:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 208 của ông Nguyễn Bá B dài $7,77m + 12,16m + 7,27m + 1,49m$.

- Phía Nam giáp phần đất giao cho anh Nguyễn Bá T, chị Phan Thị P dài $29,21m$.

- Phía Đông giáp đường trục xã dài $7,57m$

- Phía Tây giáp thửa đất số 225 của ông Lê Văn H dài $10,50m$.

Phần đất giao cho bà Phan Thị N và ông Chu Văn L có trị giá: 402.621.720 đồng (bốn trăm linh hai triệu, sáu trăm hai một ngàn, bảy trăm hai mươi đồng).

* Giao cho anh Nguyễn Bá T và chị Phan Thị P có quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất $332,7m^2$; trong đó có $120m^2$ đất ở và $212,7m^2$ đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 43 tại xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, ranh giới cụ thể:

- Phía Bắc giáp phần đất giao cho bà N, ông L dài $29,21m$.

- Phía Nam giáp đường ngõ xóm dài $30,29m$

- Phía Đông giáp đường trục xã dài $10,53m$

- Phía Tây giáp thửa đất 225 của ông Lê Văn H dài $11,90m$.

Phần đất giao cho anh Nguyễn Bá T và chị Phan Thị P có trị giá: 601.576.470 đồng (sáu trăm linh một triệu, năm trăm bảy sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng).

(Chi tiết cụ thể phần đất giao cho các đương sự có sơ đồ kèm theo Quyết định).

2.2. Đối với phần tường rào xây dựng trên thửa đất số 211, tờ bản đồ số 43:

Giao cho bà Phan Thị N và ông Chu Văn L được quản lý sử dụng phần tường rào có chiều dài $7,57m$ do vợ chồng anh T, chị P xây dựng nằm trên phần

đất giao cho vợ chồng bà N, ông L và ông bà phải có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần tường rào là 5.964.000 đồng (năm triệu chín trăm sáu tư ngàn đồng) cho vợ chồng anh T và chị P.

2.3. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất số BP 413746 ngày 16/10/2013:

Bà Phan Thị N, anh Nguyễn Bá T, chị Phan Thị P và người đại diện ủy quyền của ông Chu Văn L thống nhất không yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSD đất số BP 413746 ngày 16/10/2013 do UBND huyện Lộc Hà cấp cho anh Nguyễn Bá T, chị Phan Thị P thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 43 tại xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

2.4. Về án phí, lệ phí Tòa án:

* *Về án phí:* Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

+ Buộc anh Nguyễn Bá T, chị Phan Thị P phải chịu 14.031.529 đồng (mười bốn triệu không trăm ba một ngàn năm trăm hai chín đồng) án phí DSST.

+ Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị N, ông Chu Văn L.

* *Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

+ Bà Phan Thị N, ông Chu Văn L phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

+ Anh Nguyễn Bá T, chị Phan Thị P phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Số tiền này bà Phan Thị N đã nộp nên buộc anh Nguyễn Bá T, chị Phan Thị P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Phan Thị N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Đức Quang

